

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST

Ngày 06/9/2021

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tấn và bà Triệu Thị Yên

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST – DS ngày 03 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 02).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021 nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn L qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2018 ngày 14/8/2018. Anh chị được cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn cộng với việc vợ chồng chung sống nhưng không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã và mâu thuẫn không thể hòa giải được, anh L và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay,

chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lương Văn L.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý đến khi mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn L đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án, không thay đổi, bổ sung nội dung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Lương Văn P (bố đẻ của anh Lương Văn L) và Công an xã HL, xác định anh Lương Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh L đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, anh L làm công việc gì, tạm trú ở đâu và khi nào trở về gia đình, địa phương thì không rõ (lần gần nhất anh L có mặt tại gia đình là vào tháng 7 năm 2021). Ông P có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Lương Văn L biết về việc chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lương Văn L; Về con chung và nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh L không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với anh Lương Văn L; anh Lương Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Lương Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh L đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh L đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh L đến Tòa án để làm việc nhưng anh L vắng mặt không có lý do, anh L đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Văn L vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống tại thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng chung sống nhưng chưa có con chung, nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lương Văn L.

Qua xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 23/7/2021 (BL 43, 44) thấy rằng chị T và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị T được ly hôn anh Lương Văn L.

[2.2] Về con chung: Không có, không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Lương Văn L không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lương Văn L.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0003465 ngày 02/6/2021 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HL (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Hạnh Quỳnh**